

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG
Số: 97/CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 97-CT NGÀY 14-4-1986
VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ VỀ TIỀN LƯƠNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Nghị quyết số 31-HĐBT ngày 28-3-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện
Nghị quyết 31-NQ/TW ngày 24-2-1986 của Bộ Chính trị.*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa đổi thang lương A1, 7 bậc, bội số 1,45 bằng thang lương 7 bậc, bội số 1,50 với các hệ số và các mức lương sau đây:

3

	Bậc						
Ngành	I	II	III	IV	V	VI	VII
	1,0	1,064	1,132	1,204	1,295	1,394	1,50
1	2	3	4	5	6	7	8
1. Chế tạo và sửa chữa cơ khí lắp đặt và sửa chữa điện ^{3 3}							
- Bình thường ³	246,5	262	279	297 ³	319	343,5	370 ³
- Độc hại ³	259	275	293	311,5	335,5	361	388,5
- Đặc biệt độc hại ³	271 ³	288	307	326 ³	351	378	406,5
2. Luyện kim ^{3 3 3 3 3}							
- Bình thường ³	264 ³	281	299	318 ³	342	368	396

- Độc hại ³	277 ³	295	314	334 ³	359	386	415,5
- Đặc biệt độc hại ³	290,0	309	329	349,5	376	405	436 ³
3. Hoá chất nhóm I ³ ^{3 3}							
- Bình thường ³	251 ³	267	284	302 ³	325	350	376,5
- Độc hại ³	268,5	285,5	304	323 ³	348	374	403
- Đặc biệt độc hại ³	290 ³	308,5	328	349 ³	375,5	404	435 ³
4. Hoá chất nhóm II ³ ^{3 3}							
- Bình thường ³	242 ³	257,5	274	291,5	313,5	337	363
- Độc hại ³	254 ³	270,5	287,5	306 ³	329	354	381
- Đặc biệt độc hại ³	266 ³	283	301	320,5	344,5	371 ³	399 ³
5. Vật liệu xây dựng nhóm I							
- Bình thường ³	251 ³	267	284	302 ³	325	350	376,5
- Độc hại ³	263 ³	380	298	317 ³	340,5	366,5	394,5
- Đặc biệt độc hại ³	276 ³	293,5	312	332 ³	357,5	385	414
6. Vật liệu xây dựng nhóm II							
- Bình thường ³	242 ³	257,5	274	291,5	313,5	337	363
- Độc hại ³	254 ³	270,5	287,5	306 ³	329	354	381
- Đặc biệt độc hại ³	266 ³	283	301	320,5	344,5	371	399
7. Xây dựng cơ bản (cơ giới) cơ khí công trình, cơ khí đóng tàu, lái máy nông nghiệp ³³							